TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147 /2024/DS-PT

Ngày 11 - 3 - 2024

V/v tranh chấp "Hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.

Ông Nguyễn Thanh Triều.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLPT-DS ngày 03/01/2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng dịch vụ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 230/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Toà án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2024/QĐ-PT ngày 11/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T.**

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh X, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: ấp D, xã T, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T: Ông Lê Hoàng Â, sinh năm 1963 (xin vắng mặt); (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 07/03/2023).

Địa chỉ: số C, tổ A, khu D, thị trấn CB, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị **Nguyễn Thị T1,** sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Tấn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm; ông Lê Hoàng Â – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T trình bày:

Ông T là người sử dụng điện của Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T ngày 29/9/2017 ông T có ký hợp đồng mua bán điện sinh hoạt với hợp tác xã để sử dụng cho nhà và vựa trái cây. Theo hợp đồng thì hợp tác xã sẽ cung cấp điện sinh hoạt cho ông T với giá điện được chia làm nhiều mức khác nhau theo hệ số từ 1 đến 7 được thể hiện trong hóa đơn tiền điện khách hàng thời hạn thanh toán tiền điện hàng tháng là 05 ngày kể từ ngày hợp tác xã ra thông báo thanh toán hình thức thanh toán bằng tiền mặt. Trong quá trình tiêu thụ điện ông T đã nợ tiền điện tiêu thụ của hợp tác xã cụ thể: Điện kế ở nhà: Ông T ký hợp đồng mua bán điện sinh hoạt với hợp tác xã có mã số khách hàng T24.082 số điện năng điện thụ từ ngày 12/3/2021 đến ngày 11/6/2022 là 9.941Kwh thành tiền là 27.230.118 đồng có bảng kê hóa đơn tiền điện kèm theo. Từ tháng 7/2022 ông T không mở cửa và không cho nhân viên hợp tác xã tiếp xúc điện kế để ghi chỉ số tiêu thụ điện nên hợp tác xã chưa tính được số điện tiêu thụ điện và số tiền điện còn nợ. Điện kế ở vựa trái cây ông T ký hợp đồng mua bán điện sinh hoạt với hợp tác xã có mã số khách hàng T24.190 số điện năng tiêu thụ từ ngày 12/10/2020 đến ngày 11/02/2023 là 50.442kwh thành tiền là 151.765.265 đồng có bảng kê hóa đơn tiền điện kèm theo. Do trong quá trình giải quyết vụ án thì đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông T là bà L trình bày là điện ở vựa trái cây là do chị Nguyễn Thị T1 sử dụng điện chứ không phải là ông T sử dụng ông T chỉ tham gia ký hợp đồng nên Hợp tác xã cũng đồng ý theo ý kiến này của bà L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu bị đơn ông T phải chấm dứt hành vi cản trở nguyên đơn ghi chỉ số điện tiêu thụ trên điện kế ở nhà của ông T đang sử dụng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông T phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền điện kế ở nhà sử dụng là từ ngày 12/3/2021 đến ngày 11/6/2022 với số tiền tiêu thụ là 27.230.118 đồng. Vào ngày 04/8/2023 nguyên đơn có yêu cầu bổ sung yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Tấn T và chị Nguyễn Thị T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền tiêu thụ tại vựa trái cây từ 12/10/2020 đến ngày 11/02/2023 là 151.765.265 đồng. Yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bà Trần Thị L1 - đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Bà xác định ông T có ký vào 02 hợp đồng điện với nguyên đơn. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông T phải trả số tiền điện kế sử dụng ở nhà từ ngày 12/3/2021 đến ngày 11/6/2022 là 27.230.118 đồng thì bà đồng

ý trả số tiền điện này nhưng phải cho bà qua Điện lực CB bà sử dụng Điện lực CB tiền điện hàng tháng bao nhiêu thì bà sẽ trả cho nguyên đơn số tiền tương ứng.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn yêu cầu ông T và chị Nguyễn Thị T1 cùng liên đới trả cho nguyên đơn số tiền là 151.765.265 đồng thì bà không đồng ý liên đới với chị T1 để trả số tiền điện này vì ông T có ký hợp đồng này nhưng chị T1 là người sử dụng điện của nguyên đơn nên chị T1 đóng tiền điện cho nguyên đơn.

Đối với yêu cầu bị đơn ông T phải chấm dứt hành vi cản trở nguyên đơn ghi chỉ số điện tiêu thụ trên điện kế ở nhà của ông T đang sử dụng thì bà không đồng ý.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T1 trình bày:

Chị xác định có sử dụng điện ở vựa trái cây, chị là người sử dụng điện nhưng do ông T đứng tên trong hợp đồng mua bán điện với Hợp tác xã. Nay nguyên đơn yêu cầu chị và ông T liên đới trả số tiền tiêu thụ tại vựa trái cây từ ngày 12/10/2020 đến ngày 11/02/2023 với số tiền là 151.765.265 đồng thì chị đồng ý trả số tiền này nhưng cho chị qua sử dụng điện của Điện lực CB rồi chị sẽ trả dần số tiền nêu trên cho nguyên đơn.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 230/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Toà án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào Điều 26, 35, 92, 235, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 513, 517, 519, 357, 244 và 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T.

Buộc ông Nguyễn Tấn T phải chịu trách nhiệm trả cho Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T số tiền điện tiêu thụ còn nợ là 27.230.118 đồng.

Buộc ông Nguyễn Tấn T và chị Nguyễn Thị T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T số tiền điện tiêu thụ còn nợ là 151.765.265 đồng.

Kể từ ngày Hợp tác xã tiêu thụ điên xã T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T, chị T1 chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T yêu cầu ông T phải chấm dứt hành vi cản trở Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T ghi chỉ số điện tiêu thụ trên điện kế ở nhà của ông T đang sử dụng.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị T1 cùng liên đới phải chịu là 7.588.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tấn T phải chịu phải chịu 1.362.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.775.000 đồng theo biên lai thu số 0011418 ngày 24/05/2023 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng của theo biên lai số 0012768 ngày 04/8/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 09/11/2023, bị đơn ông Nguyễn Tấn T có đơn kháng cáo yêu cầu: xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Bị đơn ông Nguyễn Tấn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xin được miễn án phí.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu kháng cáo không đồng ý liên đới với bà Nguyễn Thị T1 trả cho Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T số tiền điện tiêu thụ còn nợ là 151.765.265 đồng, ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, cho nên không có cơ sở để chấp nhận. Đối với yêu cầu của ông T xem xét miễn án phí do ông T là người cao tuổi thì yêu cầu này có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa 01 phần bản án sơ thẩm về án phí.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T1 vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai; ông Lê Hoàng Â – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T, nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tấn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Trần Thị L1 - đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tấn T và chị Nguyễn Thị T1 thống nhất thừa nhận: Ông T có ký 02 hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt vào ngày 29/9/2017 với Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T, sử dụng điện tại nhà ông T và vựa trái cây của chị T1 (Bút lục 153, 154).

Ông T thừa nhận có nợ Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T số tiền điện sử dụng sinh hoạt tại nhà của ông T ở ấp D, xã T, huyện CB, tỉnh Tiền Giang là 27.230.118 đồng, ông đồng ý trả (Bút lục 153, 154). Chị T1 cũng thừa nhận có nợ Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T tiền điện sinh hoạt tại vựa trái cây của chị số tiền là 151.765.265 đồng chưa thanh toán và chị đồng ý trả số tiền này cho Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T (Bút lục 123, 124, 153, 154).

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T không đồng ý liên đới cùng chị Thu thanh t số tiền điện 151.765.265 đồng sử dụng điện tại vựa trái cây của chị T1, yêu cầu chỉ buộc 01 mình chị T1 có nghĩa vụ trả, với lý do: ông đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và vựa trái cây cho chị T1, chị T1 sử dụng điện thì có nghĩa vụ trả tiền điện cho Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T.

Xét thấy: Ông T là người ký 02 hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt vào ngày 29/9/2017 với Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T, sử dụng điện tại nhà và tại vựa trái cây. Bà L1 - đại diện theo ủy quyền của ông T cho rằng do Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T không đồng ý cho ông T điều chỉnh tên người sử dụng điện ở vựa trái cây, là không có cơ sở; bởi lẽ tại phiên tòa sơ thẩm (Bút lục 204) đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T xác định Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T có yêu cầu ông T thanh lý hợp đồng để ký hợp đồng mới với chị T1 nhưng ông T không đồng ý. Do đó Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T không thể ký hợp đồng mới với chị T1 được. Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, ông T và bà L1 - đại diện theo ủy quyền của ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh ông T có thông báo cho Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T biết về việc ông T đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và vựa trái cây cho chị T1; đề nghị thanh lý hợp đồng mua bán điện giữa Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T với ông T đối với vựa trái cây của chị T1. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông T là không có cơ sở để chấp nhận; án sơ thẩm đã xử là có căn cứ, cần thiết giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Tuy nhiên, ông T có đơn yêu cầu miễn tạm ứng án phí và án phí (Bút lục 225) với lý do là người cao tuổi. Căn cứ vào Điều 2 Luật Người cao tuổi và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tấn T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 230/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Toà án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang về án phí.

Căn cứ vào Điều 26, 35, 92, 235, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 513, 517, 519, 357, 244 và 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T.

Buộc ông Nguyễn Tấn T phải chịu trách nhiệm trả cho Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T số tiền điện tiêu thụ còn nợ là 27.230.118 đồng.

Buộc ông Nguyễn Tấn T và chị Nguyễn Thị T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T số tiền điện tiêu thụ còn nợ là 151.765.265 đồng.

Kể từ ngày Hợp tác xã tiêu thụ điên xã T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T, chị T1 chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T yêu cầu ông T phải chấm dứt hành vi cản trở Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T ghi chỉ số điện tiêu thụ trên điện kế ở nhà của ông T đang sử dụng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Tấn T.

Chị Nguyễn Thị T1 phải chịu 3.794.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại Hợp tác xã tiêu thụ điện xã T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.775.000 đồng theo biên lai thu số 0011418 ngày 24/05/2023 và số tiền tạm ứng

án phí đã nộp là 300.000 đồng của theo biên lai số 0012768 ngày 04/8/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Tấn T. Ông T không có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

4. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CB;
- CCTHADS huyện CB;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2024-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Trung